TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **221**/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 11 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh ***Lê Diên Q***, sinh năm 1964; nơi cư trú: Trạm bảo vệ thực vật thị xã P, Km số 5 xã L, thị xã P, tỉnh T

Anh Q ủy quyền cho anh ***Trương Văn T***, sinh năm 1978, nơi cư trú ấp C, xã A, thành phố BT tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề liên quan đến tài sản.

2. Bị đơn: chị ***Đoàn Thị Hồng V***; sinh năm 1964; nơi cư trú: 21/VH làng Hữu nghị V ấp P, xã Đ, thành phố BT, tỉnh BT.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà ***Nguyễn Thị Th***, sinh năm 1944; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BT

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 53, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh ***Lê Diên Q*** và chị ***Đoàn Thị Hồng V***.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: có 02 cháu tên Lê Thị Hồng Nh, sinh ngày 10/3/1991 và Lê Thị Tường V, sinh ngày 02/3/1999. Cả hai đã trưởng thành

Về tài sản chung: Anh Q được nhận phần đất có diện tích 498,9m^2 thuộc thửa 557b, 557b1 tờ bản đồ số 8 toạ lạc tại xã Đ, thành phố BT. Chị V được nhận phần đất có diện tích 507,9m^2 thuộc thửa 557a, 557a1 tờ bản đồ số 8 toạ lạc tại xã Đ, thành phố BT. Hai bên thống nhất thửa 557a1 (27.3 m^2) và thửa 557 b1 (18,2m^2) dùng để làm đường đi chung. (Có họa đồ vị trí thửa đất kèm theo)

Về nợ chung: Anh Lê Diên Q Q và chị Đoàn Thị Hồng V mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Th là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả *cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Đình chỉ yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu anh anh Q chị V trả lại phần tài sản bà đã cho mượn là 02 chỉ vàng 24K

Án phí Hôn nhân gia đình anh Q không phải nộp. Án phí dân sự sơ thẩm anh Q, chị V và bà Thiện được miễn. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho anh Q 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008954 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND phường A, TP BT, tỉnh BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong